



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống

TÀI LIỆU TẬP HUẤN SGK MĨ THUẬT LỚP 3

MỤC LỤC

	Trang
I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN MĨ THUẬT TIỂU HỌC VÀ CHƯƠNG TRÌNH LỚP 3	3
II. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 3 VÀ GỢI Ý DẠY HỌC	8
III. GỢI Ý DẠY HỌC CÁC DẠNG BÀI	17
IV. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU SỬ DỤNG TRONG DẠY HỌC, THAM KHẢO, BỔ TRỢ	32
V. GIỚI THIỆU KẾ HOẠCH DẠY HỌC MINH HỌA	35

CHỮ VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BGD-ĐT	Bộ giáo dục và Đào tạo
CT	Chương trình
DH	Dạy học
GD	Giáo dục
GDPT	Giáo dục phổ thông
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
SGK	Sách giáo khoa
SGV	Sách giáo viên

MỤC TIÊU

Sau khi tham dự tập huấn, thầy/cô đạt được mục tiêu chủ yếu sau:

- Hiểu được quan điểm, cơ sở biên soạn SGK Mỹ thuật 3 – Cánh Diều.
- Nắm được khái quát nội dung, yêu cầu cần đạt của chương cấp tiểu học.
- Nắm được nội dung, yêu cầu cần đạt của CT lớp 3 và thể hiện trong SGK mỹ thuật 3, Cánh Diều.
- Nắm được nội dung, đặc điểm các dạng bài học trong SGK Mỹ thuật 3 – Cánh Diều và cách tổ chức DH hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
- Nắm được nội dung một số tài liệu tham khảo, bổ trợ và cách sử dụng trong DH.
- Phân tích được ưu điểm, hạn chế của nội dung kế hoạch bài dạy (Bài 5: Hình dáng cơ thể em, tiết 1) theo hướng hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
- Xây dựng, thuyết trình và phân tích được kế hoạch/ý tưởng DH nội dung bài học/hoạt động cụ thể trong SGK.

NỘI DUNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN MỸ THUẬT TIỂU HỌC VÀ CHƯƠNG TRÌNH LỚP 3

1. Mục tiêu chung của Chương trình môn Mỹ thuật năm 2018 và yêu cầu cần đạt

1.1. Mục tiêu chung của chương trình

Chương trình môn Mỹ thuật giúp HS hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật dựa trên kiến thức và kỹ năng mỹ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mỹ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; có ý thức trân trọng di sản văn hoá, nghệ thuật và khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng mỹ thuật vào đời sống; hiểu biết tổng quát về ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và khả năng định hướng được nghề nghiệp cho bản thân; trải nghiệm và khám phá mỹ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2. Nội dung chương trình

Chương trình môn Mỹ thuật phát triển hai mạch nội dung là Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên yếu tố và nguyên lý tạo hình.

Đối với *Cấp tiểu học*, nội dung giáo dục gồm: Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc, Thủ công. Trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi làm quen với tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hóa nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật.

Đối với *Cấp trung học cơ sở*, nội dung giáo dục gồm: Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ hoạ. Trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hóa nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận

mỹ thuật.

Đối với *Cấp trung học phổ thông*, HS mỗi lớp 10, 11, 12 được lựa chọn 04 nội dung trong 10 nội dung bao gồm: Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế mỹ thuật sân khấu, Điện ảnh, Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện, Kiến trúc; Trong đó, nội dung lí luận và lịch sử mỹ thuật vừa được thực hiện độc lập vừa bảo đảm lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật.

1.3. Yêu cầu cần đạt của chương trình

Chương trình môn Mỹ thuật tập trung hình thành và phát triển ở HS *năng lực mỹ thuật*, biểu hiện của *năng lực thẩm mỹ trong lĩnh vực mỹ thuật*. Các thành phần của năng lực mỹ thuật gồm: *Quan sát và nhận thức thẩm mỹ; Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ; Phân tích và đánh giá thẩm mỹ*.

Các biểu hiện cần đạt về năng lực được mô tả phù hợp với mỗi cấp học trong Chương trình Mỹ thuật 2018 (trang 6 – 9).

2. Mục tiêu, nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình cấp tiểu học

2.1. Mục tiêu chương trình cấp tiểu học

Chương trình môn Mỹ thuật tiểu học giúp HS hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm; biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng về thế giới xung quanh, từ đó hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; bước đầu làm quen, tìm hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật, hình thành năng lực tự chủ và tự học; góp phần hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2.2. Nội dung chương trình

Như trên đã nêu: Chương trình môn Mỹ thuật phát triển hai mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên *yếu tố và nguyên lí tạo hình*. Ở *cấp tiểu học*, nội dung giáo dục gồm Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Thủ công; trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi làm quen với tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hóa nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật.

Dưới đây là phân bố mạch nội dung và thời lượng DH, đánh giá ở mỗi lớp:

Nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Ghi chú
Lí luận và lịch sử mỹ thuật	+	+	+	+	+	Thực hiện tích hợp, lồng ghép trong thực hành, thảo luận.
Hội họa	x	x	x	x	x	
Đồ họa (tranh in)	x	x	x	x	x	
Điêu khắc	x	x	x	x	x	
Thủ công	x	x	x	x	x	
Lưu ý: Thời lượng DH mỗi mạch nội dung và đánh giá ở mỗi lớp như sau:						

- Nội dung Mĩ thuật tạo hình: Khoảng 60% (khoảng 21 tiết/năm học/một lớp).
- Nội dung Mĩ thuật ứng dụng (thủ công): Khoảng 30 % (khoảng 10 tiết/năm học/mỗi lớp).
- Đánh giá khoảng 10% (khoảng 4 tiết/năm học/mỗi lớp).

2.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật đối với cấp tiểu học

Dưới đây là yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật đối với cấp tiểu học được nêu trong Chương trình Mĩ thuật 2018:

Năng lực mĩ thuật	Yêu cầu cần đạt
Quan sát và nhận thức thẩm mĩ	
Quan sát thẩm mĩ	– Nhận biết được một số yếu tố thẩm mĩ cơ bản trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Nhận biết được một số yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ. – Nhận biết được dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.
Nhận thức thẩm mĩ	– Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ. – Nhận biết được chủ đề của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Bước đầu nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong đời sống. – Biết liên tưởng được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ với thực hành sáng tạo.
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ	
Sáng tạo thẩm mĩ	– Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản. – Vận dụng được một số hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mĩ. – Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo ở mức độ đơn giản. – Sử dụng được một số công cụ, thiết bị trong thực hành sáng tạo.
Ứng dụng thẩm mĩ	– Biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo. – Biết trưng bày, giới thiệu sản phẩm mĩ thuật của cá nhân và nhóm học tập. – Biết vận dụng sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.
Phân tích và đánh giá thẩm mĩ	
Phân tích thẩm mĩ	– Chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản.

	– Biết tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. – Mô tả được một số yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.
Đánh giá thẩm mỹ	– Bước đầu đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua một số yếu tố và nguyên lí tạo hình. – Bước đầu học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.

3. Nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình lớp 3

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MỸ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Nhận biết được yếu tố tạo hình chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt. – Biết phân biệt màu cơ bản và màu thứ cấp. – Biết liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh trong thực tiễn. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong thực hành, sáng tạo. – Vận dụng được đậm, nhạt của chấm, nét để trang trí sản phẩm. – Biết vận dụng sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng. – Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm, như: mịn, mềm, thô ráp,... – Tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại:</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Hội hoạ – Đồ hoạ (tranh in) – Điêu khắc <i>Hoạt động thực hành và thảo luận:</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp:

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm. – Phân biệt được vẽ, in và nặn trong thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Trưng bày, trao đổi, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và ý tưởng vận dụng. – Biết mô tả, chia sẻ cảm nhận về tác phẩm mỹ thuật ở mức độ đơn giản.	– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của HS. Định hướng chủ đề: Lựa chọn, kết hợp: – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương. Định hướng chủ đề: Lựa chọn, kết hợp: Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Hiểu được một số thao tác, công đoạn cơ bản để làm nên sản phẩm. – Nhận biết được tính chất tương phản của hình, khối ở sản phẩm thủ công. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Tạo được sản phẩm có sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản. – Tạo được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm bằng vật liệu sẵn có. – Thể hiện được chi tiết hoặc hình ảnh trọng tâm ở sản phẩm. – Vận dụng được sự khác nhau của chấm, đường hướng của nét để trang trí sản phẩm. – Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm, chia sẻ mục đích sử dụng.	Yếu tố và nguyên lí tạo hình: Lựa chọn, kết hợp: Yếu tố tạo hình – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. Nguyên lí tạo hình – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại: Thủ công Lựa chọn, kết hợp: – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. Hoạt động thực hành và thảo luận: Thực hành – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D Thảo luận Lựa chọn, kết hợp: – Sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thực hành của HS.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Biết phân biệt vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo ở sản phẩm thủ công.	Định hướng chủ đề: Lựa chọn, kết hợp: – Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm.

Lưu ý: Nội dung Lí luận và lịch sử kĩ thuật được tích hợp, lồng ghép trong thực hành, thảo luận.

II. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 3 VÀ GỢI Ý DẠY HỌC

1. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Mĩ thuật 3

1.1. Quan điểm tiếp cận và căn cứ biên soạn sách giáo khoa Mĩ thuật 3

1.1.1. Quan điểm tiếp cận biên soạn sách giáo khoa

*Tiếp cận mục tiêu giáo dục

Lấy việc cung cấp kiến thức, rèn luyện kĩ năng thực hành để bồi dưỡng khả năng cảm nhận thẩm mĩ (quan sát, thực hành, chia sẻ) làm trục phát triển của cuốn sách và phục vụ mục tiêu hình thành, phát triển năng lực đặc thù của môn học (năng lực mĩ thuật), góp phần hình thành, phát triển năng lực chung, đóng góp cho việc hình thành, phát triển các năng lực đặc thù khác và thống nhất với mục tiêu bồi dưỡng phẩm chất chủ yếu cho HS.

*Tiếp cận đối tượng sử dụng

– **Học sinh:** Là đối tượng rất đa dạng nên sách thiết kế theo hướng mở để thực hiện DH phân hóa phù hợp với khả năng, điều kiện học tập của HS.

– **Giáo viên:** Là những thầy/cô có kinh nghiệm giảng dạy khác nhau, nên sách thiết kế để thầy/cô thuận lợi trong DH tích hợp, DH phân hóa,... phù hợp với thực tiễn DH của nhà trường, địa phương. Ví dụ: Nội dung các bài học tiếp cận các chủ đề gắn với đời sống thực tiễn; mỗi chủ đề, bài học gợi mở nhiều hình thức, cách thực hành, sáng tạo với vật liệu, công cụ, họa phẩm,... sẵn có; kết hợp liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống,...

1.1.2. Căn cứ biên soạn sách giáo khoa

Nội dung sách được xây dựng dựa trên: Định hướng đổi mới và yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018 (lớp 3); kế thừa một số nội dung trong Chương trình môn Mĩ thuật 2006 (lớp 3); tiếp nối cách xây dựng nội dung và hình thức trình bày của sách Mĩ thuật lớp 1, lớp 2. Nội dung sách thể hiện rõ tư tưởng của bộ sách “Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống”.

1.2. Cấu trúc các bài học và hình thức trình bày

Cấu trúc mỗi bài học, gồm:

- Mục tiêu (*Bài học này, em sẽ*): Giới thiệu mục tiêu trọng tâm của bài học.
- Chuẩn bị: Thông qua các icon (thay cho kênh chữ)
- Nội dung bài học: Gồm các hoạt động
 - + *Quan sát, nhận biết* – Tìm hiểu, khám phá
 - + *Thực hành, sáng tạo* – Luyện tập, trải nghiệm

+ *Cảm nhận, chia sẻ* – Nhận xét, đánh giá

+ *Vận dụng* – Mở rộng, phát triển: tìm hiểu thêm ý tưởng sáng tạo và liên hệ ứng dụng bài học vào thực tiễn.

1.2.2. Cách trình bày và hình thức thể hiện của sách

Kênh hình và kênh chữ: Thể hiện mục tiêu trọng tâm của bài học.

a. Kênh hình

– Cung cấp kiến thức, hình thành, phát triển kỹ năng cho HS; kích thích HS hứng thú với việc học – thực hành, sáng tạo.

– Gợi mở ý tưởng sáng tạo, liên hệ bài học, ứng dụng sản phẩm vào đời sống.

– Bồi dưỡng tính tự học ở HS; giúp phụ huynh có thể cùng con học mỹ thuật.

b. Kênh chữ

Tập trung vào các nội dung:

– Tên chủ đề, bài học: Vận dụng nội dung các yêu cầu cần đạt để đặt tên một số chủ đề, bài học, giúp HS bước đầu xác định được nội dung chính của chủ đề, bài học.

– Nhiệm vụ học tập: Sử dụng câu, từ ngắn gọn, dễ hiểu, rõ trọng tâm của hoạt động và hướng đến đạt mục tiêu bài học (yêu cầu của chương trình); giúp HS chủ động suy nghĩ, trả lời, giải quyết vấn đề, có thể trao đổi cùng bạn bè, biết tự đánh giá, tham gia đánh giá,...; giúp GV có thể linh hoạt sử dụng các PP, kỹ thuật DH, hình thức tổ chức (HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm) phù hợp với ý tưởng DH, cơ sở vật chất của trường, lớp và sự chuẩn bị đồ dùng, vật liệu, họa phẩm (màu vẽ, giấy màu, đất nặn, vật liệu sẵn có,...) của HS.

– Tổng kết bài học: Nội dung cô đọng, súc tích; nhấn mạnh kiến thức, kỹ năng; gợi mở liên hệ, mở rộng bài học, kết hợp bồi dưỡng phẩm chất cho HS,...

2.2. Nội dung sách giáo khoa *Mỹ thuật 3* thể hiện yêu cầu cần đạt của chương trình lớp 3

Bảng dưới đây là giới thiệu khái lược nội dung CT lớp 3¹ và yêu cầu cần đạt được thể hiện trong SGK *Mỹ thuật 3*:

Nội dung	Yêu cầu trong CT	Chủ đề, bài học ²	Ghi chú
Chấm, nét	– Vận dụng được đậm, nhạt của chấm, nét để trang trí sản phẩm. – Vận dụng được sự khác nhau của chấm, đường hướng của nét để trang trí sản phẩm,...	– Chủ đề 2: Hình ảnh nổi bật – Chủ đề 4: Sự kiện vui vẻ – Bài 11: Bạn rô-bốt của em	

¹ - Nội dung giới thiệu một số yếu tố và nguyên lý tạo hình (Chấm, nét, hình, khối, đậm nhạt, màu cơ bản và lặp lại, nhịp điệu) đã giải thích ở một số tài liệu liên quan, như: *CT môn Mỹ thuật 2018 (tr.71-73)*; *SGK Mỹ thuật lớp 1 (tr. 77, 78)*; *SGK Mỹ thuật 2 (tr. 81, 82)*; *Tài liệu Tập huấn sử dụng SGK Mỹ thuật lớp 1, lớp 2; Sách Hướng dẫn DH môn Nghệ thuật tiểu học theo CT GDPT 2018 phần Mỹ thuật (NXB ĐHSP, 2019)*.

- Nội dung giới thiệu về: Hoạt động Thực hành và thảo luận, Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội họa, Đồ họa tranh, Điều khắc, Thủ công đã trình bày trong một số tài liệu liên quan như: *Tài liệu tập huấn sử dụng sách Mỹ thuật lớp 1, lớp 2; Sách Hướng dẫn DH môn Nghệ thuật tiểu học theo CT GDPT 2018 phần Mỹ thuật (NXB ĐHSP, 2019)*.

² Các chủ đề, bài học giới thiệu trong cột này là tập trung thể hiện nội dung yêu cầu cần đạt; Các chủ đề, bài học khác, tuy không phải là trọng tâm của yêu cầu, nhưng vẫn thể hiện và GV có thể/nên liên hệ trong tổ chức DH.

Hình, khối	– Biết vận dụng sự tương phản của hình, khối để mô phỏng đối tượng. – Tạo được sản phẩm có sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản.	Chủ đề 5: Hình, khối tương phản	
Màu sắc	– Tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong thực hành, sáng tạo.	– Chủ đề 1: Sáng tạo cùng màu sắc – Chủ đề 4: Sự kiện vui vẻ	Yếu tố màu sắc: Màu thứ cấp: Là màu được tạo ra từ các màu cơ bản
Đậm nhạt	– Tạo được đậm, nhạt ở sản phẩm bằng vật liệu sẵn có.	– Bài 2: Sáng tạo với vật liệu có màu đậm, màu nhạt	Yếu tố đậm nhạt: Là chỉ số thể hiện mức độ sáng hay tối của màu sắc hoặc sự chuyển biến của ánh sáng và bóng tối trên đối tượng.
Chất cảm	– Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm, như: mịn, mềm, thô ráp,...	– Chủ đề 6: Những bề mặt khác nhau của vật liệu – Bài 16: Em yêu thiên nhiên	Yếu tố chất cảm: Là cảm giác cấu trúc bề mặt của chất liệu tạo hình. Ví dụ: mềm, mịn, thô ráp,...
Chuyển động	– Tạo được biểu đạt hình động cho sản phẩm	– Chủ đề 3: Tạo hình ảnh động – Bài 8: Ngày hội ở trường em.	Nguyên lí chuyển động: Là sự sắp xếp các yếu tố, nguyên lí tạo hình để tạo các hướng khác nhau ở đối tượng nghệ thuật hoặc tạo sự di chuyển của thị giác trên đối tượng nghệ thuật.
Nhấn mạnh/ Điểm nhấn	– Thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm	– Chủ đề 2: Hình ảnh nổi bật – Bài 7: Thiệp chúc mừng	Nguyên lí nhấn mạnh/điểm nhấn: Là một yếu tố hoặc một phần của sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật thu hút thị giác của người quan sát.

2.3. Thời lượng của chương trình lớp 3 thể hiện trong nội dung sách giáo khoa

Theo phân bố thời lượng DH và đánh giá nêu trong chương trình cấp tiểu học: Mỗi lớp 35 tiết/năm học, trong đó: Nội dung Mỹ thuật tạo hình khoảng 60%; Mỹ thuật ứng dụng khoảng 30%; Đánh giá khoảng 10%.

Đối với lớp 3, SGK Mỹ thuật Cánh Diều thể hiện các thời lượng đó như sau:

– Mỹ thuật tạo hình (khoảng 21 tiết): Tương ứng các bài: 1, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 13, 14, 15, 16.

- Mĩ thuật ứng dụng (khoảng 10 tiết): Tương ứng các bài: 2, 4, 7, 12
- Đánh giá định kì (khoảng 4 tiết): Theo hướng dẫn tại thông tư 27 về đánh giá HS, trong SGK, thời lượng 10% dành cho đánh giá được linh hoạt thiết kế như một bài học (bài 9, bài 17) và tập trung vào ôn tập – trưng bày sản phẩm, có thể kết hợp tổ chức HS thực hành, hoạt động mĩ thuật ngoài lớp học...

2.4. Dự kiến thời lượng DH các chủ đề, bài học và gợi ý phân bố nội dung ở mỗi tiết

Chủ đề/bài học	Nội dung chính	
Chủ đề 1: Sáng tạo cùng màu sắc (4 tiết)		
Bài 1 (2 tiết) Những màu sắc khác nhau	Tiết 1	– Nhận biết: Màu thứ cấp, cách tạo màu thứ cấp từ các cặp màu cơ bản. – Thực hành: Tạo màu thứ cấp. Vẽ hình ảnh yêu thích (lọ hoa, quả, đồ vật, con vật,...) bằng nét bút chì/màu; <i>có thể vẽ màu cho một số hình ảnh hoặc cắt, xé tạo hình ảnh đơn lẻ.</i>
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục vẽ màu hoặc xé, dán hoàn thành sản phẩm. <i>Nếu tiết 1 đã hoàn thành sản phẩm, tiết 2 có thể thực hành bằng hình thức/chất liệu khác (vẽ, nặn, xé, cắt, dán, in) và tạo sản phẩm (cá nhân hoặc nhóm).</i>
Bài 2 (2 tiết) Sáng tạo với vật liệu có màu đậm, màu nhạt	Tiết 1	– Nhận biết: Màu đậm, đậm vừa, nhạt qua các thẻ màu và một số vật liệu sẵn có. – Thực hành: Sử dụng vật liệu có màu đậm, màu nhạt để tạo sản phẩm.
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thành sản phẩm. <i>Nếu tiết đã hoàn thành sản phẩm, tiết 2 có thể tạo sản phẩm nhóm theo chủ đề: quả, lá, con vật, khung tranh cho sản phẩm... bằng cách vẽ, nặn, xé, cắt dán hoặc cá nhân tạo thêm sản phẩm theo cách khác.</i>
Chủ đề 2: Hình ảnh nổi bật (4 tiết)		
Bài 3 (2 tiết) Sự thú vị của hình ảnh nổi bật	Tiết 1	– Nhận biết: Hình ảnh nổi bật/trọng tâm ở hình ảnh quan sát. – Thực hành: Tạo sản phẩm về chủ đề yêu thích, như con vật (trên cạn, dưới nước...) hoa, quả, đồ dùng... và có hình ảnh nổi bật ở sản phẩm. <i>Có thể tạo sản phẩm nhóm bằng xé, cắt, dán, nặn,...</i>
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thiện sản phẩm. <i>Nếu tiết 1 đã hoàn thiện sản phẩm, tiết 2 tạo thêm sản phẩm (cá nhân/nhóm) bằng cách thực hành khác, có thể kết hợp xé, cắt, dán, vẽ, in, hoặc nặn,...</i>
Bài 4 (2 tiết) Đồ vật trong gia đình	Tiết 1	– Nhận biết: Hình ảnh nổi bật trên một số đồ vật quen thuộc. – Thực hành: Tạo được sản phẩm là đồ dùng, đồ chơi,... và trang trí hình ảnh/chi tiết nổi bật trên sản phẩm (cá nhân/nhóm).
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thành sản phẩm (cá nhân/nhóm).

Chủ đề/bài học	Nội dung chính	
		<i>Nếu tiết 1 tạo sản phẩm cá nhân và đã hoàn thành. Tiết 2 có thể tạo sản phẩm nhóm hoặc tạo thêm sản phẩm khác bằng cách gấp, cắt, dán, nặn, vẽ/ kết hợp vẽ, in, xé, dán...</i>
Chủ đề 3: Tạo dáng người động (4 tiết)		
Bài 5 (2 tiết) Hình dáng cơ thể em	Tiết 1	– Nhận biết: Dáng người tư thế đứng yên (tĩnh), tư thế động (chuyển động) và liên hệ với các hình cơ bản. – Thực hành: Tạo dáng người tư thế đứng yên, tư thế động (mức độ đơn giản).
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tạo sản phẩm nhóm có các dáng người tư thế động về chủ đề yêu thích, hoặc tạo sản phẩm cá nhân. <i>Có thể thực hành bằng cách vẽ/ cắt, xé, dán/nặn hoặc kết hợp,...</i>
Bài 6 (2 tiết) Trò chơi thú vị	Tiết 1	– Nhận biết: Dáng người ở tư thế động trong một số trò chơi – Thực hành: Vẽ tranh trò chơi yêu thích bằng nét. <i>Có thể vẽ màu cho phần nền hoặc một số hình ảnh trong tranh.</i>
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thành sản phẩm. <i>Nếu tiết 1 đã hoàn thành sản phẩm; hoặc tiết 2, tiến độ hoàn thành nhanh, có thể tạo sản phẩm về trò chơi yêu thích của nhóm bằng hình thức khác (xé, cắt, dán, nặn).</i>
Chủ đề 4: Sự kiện vui vẻ (6 tiết)		
Bài 7 (2 tiết) Thiệp chúc mừng	Tiết 1	– Nhận biết: Đặc điểm về hình dạng và trang trí hình ảnh nổi bật trên một số thiệp chúc mừng. – Thực hành: Tạo tấm thiệp chúc mừng gửi tặng người thân hoặc Thầy Cô, bạn bè,... có trang trí hình ảnh nổi bật trên tấm thiệp. <i>Có thể tạo sản phẩm cá nhân, nhóm.</i>
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thành sản phẩm. <i>Nếu tiết 1, tạo sản phẩm cá nhân và đã hoàn thành; tiết 2 có thể tạo thêm sản phẩm theo cách khác (vẽ, in, cắt, xé, dán, nặn...) hoặc tạo sản phẩm nhóm.</i>
Bài 8 (2 tiết) Ngày hội ở trường em	Tiết 1	– Nhận biết: Một số sự kiện vui vẻ trong trường và một số dáng người tư thế động trong sự kiện. – Thực hành: Vẽ hoặc xé, cắt dán tạo sản phẩm (cá nhân/nhóm) về sự kiện vui vẻ trong trường, có một số dáng người ở tư thế động. <i>Có thể kết hợp vẽ và cắt, xé, dán.</i>
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thành sản phẩm. <i>Nếu tiết 1 tạo sản phẩm cá nhân và đã hoàn thành, tiết 2 tạo sản phẩm nhóm. Có thể sử dụng đất nặn hoặc kết hợp vẽ, cắt, xé, dán, in,...</i>

Chủ đề/bài học	Nội dung chính	
Bài 9 (2 tiết) Cùng nhau ôn tập học kì 1	Tiết 1	– Giới thiệu: Những điều đã học trong học kì 1 – Thực hành: Trưng bày sản phẩm yêu thích và giới thiệu, chia sẻ cảm nhận.
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Chọn và vận dụng một/một số nội dung đã học/ôn tập để sáng tạo sản phẩm (cá nhân/nhóm). <i>Có thể sử dụng kết quả thực hành (kết hợp đánh giá thường xuyên) để thực hiện đánh giá định kì.</i>
Chủ đề 5: Sự kết của các hình, khối khác nhau (4 tiết)		
Bài 10 (2 tiết) Làm quen với hình tương phản	Tiết 1	– Nhận biết: Hình cơ bản tương phản về hình dạng, kích thước. – Thực hành: Xé hoặc cắt, dán, vẽ, in cặp hình tương phản (hình cơ bản hoặc hoa, lá, quả...) theo hình thức làm việc cá nhân hoặc nhóm. <i>Nếu thời gian cho phép, có thể tiếp tục thực hành vẽ bức tranh (con vật, đồ vật, cây, khăn, thảm...) bằng nét, có tương phản về hình dạng hoặc kích thước của hình ảnh trong tranh.</i>
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Nếu tiết 1 đã vẽ bức tranh bằng nét, tiết 2 vẽ màu và hoàn thiện. <i>Nếu tiết 1 chưa thực hành vẽ tranh bằng nét, tiết 2 thực hành và hoàn thiện; hoặc có thể cắt, xé, dán tạo sản phẩm nhóm.</i>
Bài 11 (2 tiết) Bạn rô-bốt của em	Tiết 1	– Nhận biết: Khối tương phản về hình dạng, kích thước, liên hệ với cấu trúc và hình dạng của rô-bốt. – Thực hành: Tạo sản phẩm rô-bốt có tương phản của khối dạng cơ bản. <i>Có thể tạo sản phẩm cá nhân hoặc nhóm.</i>
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thiện sản phẩm. <i>Nếu tiết 1 tạo sản phẩm cá nhân, tiết 2 hoàn thiện và sắp xếp tạo sản phẩm nhóm; hoặc tiết 2 tạo sản phẩm nhóm.</i>
Chủ đề 6: Những bề mặt khác nhau của vật liệu (4 tiết)		
Bài 12 (2 tiết) Tạo sản phẩm có bề mặt mềm mịn hoặc thô ráp	Tiết 1	– Nhận biết: Bề mặt mềm mịn, thô ráp ở một số hình ảnh quan sát. – Thực hành: Tạo hình ảnh yêu thích (con vật, cây, đồ vật...) có bề mặt mịn, mềm hoặc thô ráp.
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thành sản phẩm. <i>Nếu tiết 1 đã hoàn thành sản phẩm cá nhân, tiết 2 tạo sản phẩm nhóm, có thể kết hợp sản phẩm đã tạo ở tiết 1 và mở rộng chủ đề, như: con vật nuôi trong nhà, công viên; con vật trong rừng...</i>
Bài 13 (2 tiết) Tạo hình trái cây từ đất nặn	Tiết 1	– Nhận biết: Một số cách tạo bề mặt mịn, thô ráp,... bằng đất nặn; liên hệ với một số loại trái cây có bề mặt mịn, nhẵn, thô ráp, sắc nhọn,... – Thực hành: Tạo sản phẩm hình trái cây có bề mặt mịn hoặc nhẵn, sần sù, thô ráp,... <i>Có thể tạo sản phẩm nhóm gồm một số trái cây bề mặt giống nhau hoặc khác nhau.</i>

Chủ đề/bài học	Nội dung chính	
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thành sản phẩm (kết hợp quả đơn lẻ, tạo thêm lá, cành...). <i>Có thể tạo thêm hình ảnh khác (đĩa, khay, rổ, giỏ,...).</i>
Chủ đề 7: Cùng vẽ, in, nặn (9 tiết)		
Bài 14 (2 tiết) Gia đình thân yêu	Tiết 1	– Nhận biết: Một số hoạt động quen thuộc trong gia đình và dáng người tương ứng với tư thế, động tác hoạt động. – Thực hành: Vẽ tranh đề tài gia đình. Vẽ bằng nét bút chì hoặc bút màu, có thể vẽ màu cho một số hình ảnh hoặc phần nền xung quanh.
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục vẽ màu hoàn thành sản phẩm. <i>Nếu tiết 1 đã tạo sản phẩm cá nhân và đã hoàn thành, tiết 2 có thể tạo sản phẩm nhóm bằng cách kết hợp vẽ với cắt, dán tạo hình rối que,...</i>
Bài 15 (2 tiết) Những khuôn in thú vị	Tiết 1	– Nhận biết: Một số khuôn in cắt từ giấy/bìa và hình ảnh tương ứng – Thực hành: Tạo khuôn in theo ý thích và in để tạo sản phẩm đơn giản.
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn sản phẩm (in thêm hình, vẽ thêm chi tiết,...). <i>Có tạo sản phẩm nhóm (có ít thành viên) bằng 1 cách in hoặc 2 cách in và kết hợp vẽ thêm nét, tạo thêm chấm, chi tiết khác,...</i>
Bài 16 (3 tiết) Em yêu thiên nhiên	Tiết 1	– Nhận biết: Đặc điểm màu sắc, hình dạng của một số động, thực vật quen thuộc (cây ăn quả, cây bóng mát, con vật,...). – Thực hành: Tạo sản phẩm về chủ đề thiên nhiên (cây, con vật, núi, đồi, sông, biển,...) bằng đất nặn. <i>Có thể tạo sản phẩm nhóm.</i>
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thành sản phẩm.
	Tiết 3	– Nhắc lại: Nội dung tiết 2, giới thiệu nhiệm vụ tiết 3. – Thực hành: Tiếp tục hoàn thành sản phẩm. <i>Nếu tiết 2 đã hoàn thành sản phẩm. Tiết 3 tổ chức HS tạo sản phẩm cá nhân/nhóm có kết hợp các hình thức in, vẽ, nặn.</i>
Bài 17 (2 tiết) Cùng nhau ôn tập học kì 2	Tiết 1	– Giới thiệu: Những điều đã học trong học kì 2 và năm lớp 3. – Thực hành: Trưng bày sản phẩm yêu thích và giới thiệu, chia sẻ.
	Tiết 2	– Nhắc lại: Nội dung tiết 1, giới thiệu nhiệm vụ tiết 2. – Thực hành: Chọn và vận dụng một/một số nội dung đã học/ôn tập để sáng tạo sản phẩm (cá nhân/nhóm). <i>Có thể sử dụng kết quả thực hành (kết hợp đánh giá thường xuyên) để thực hiện đánh giá định kì.</i>

Lưu ý:

- GV có thể điều chỉnh thời lượng dự kiến dành cho mỗi chủ đề, bài học, miễn sao bảo đảm được mục tiêu/yêu cầu cần đạt của bài học và quy định trong CT.
- GV có thể điều chỉnh phân bố nội dung DH ở mỗi tiết.

– Nhà trường và GV có thể sắp xếp lịch học luân phiên giữa các lớp để có thể thực hiện dạy học 2 tiết liền nhau/buổi học/lớp.

3. Đặc điểm nội dung các dạng bài học trong sách giáo khoa và yêu cầu xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học

3.1. Một số dạng bài chủ yếu

Nội dung các bài học trong SGK Mĩ thuật 3 tập trung vào ba dạng bài chủ yếu sau:

TT	Dạng bài	Đặc điểm	Bài học
1	Dạng bài nhận biết kiến thức và tập thực hành, sáng tạo, hình thành kĩ năng.	Giúp HS được tiếp cận, biết, hiểu về kiến thức của môn học theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình và bước đầu tập vận dụng mức độ kiến thức đó vào thực hành, sáng tạo sản phẩm (cá nhân, nhóm).	Bài 1, 3, 5, 10, 11, 12.
2	Dạng bài vận dụng kiến thức, kĩ năng vào luyện tập, thực hành, sáng tạo.	Giúp HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã biết, đã làm quen ở dạng bài (1) vào luyện tập, thực hành, sáng tạo sản phẩm (cá nhân, nhóm) theo ý thích.	Bài 2, 4, 6, 7, 8, 13, 14, 15, 16.
3	Dạng bài ôn tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã biết, đã thực hành, luyện tập.	Tập trung ôn tập một số kiến thức, kĩ năng HS đã được tìm hiểu, thực hành ở các bài học (dạng bài 1 và 2) của mỗi học kì và năm học lớp 3.	Bài 9, bài 17.

3.2. Đặc điểm chung của các dạng bài

– *Thứ nhất*, bảo đảm các yêu cầu cần đạt quy định trong CT lớp 3; giúp HS vừa được củng cố, phát triển những kiến thức đã học ở lớp và lớp 2, vừa được tìm hiểu, khám phá những kiến thức mới, qua đó hình thành ở HS “đường phát triển” kiến thức của môn học qua từng khối lớp theo yêu cầu của CT.

– *Thứ hai*, tuân thủ thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung quy định trong CT môn Mĩ thuật 2018³.

– *Thứ ba*, kế thừa nội dung CT hiện hành, tiếp cận các chủ đề gần gũi với đời sống thực tiễn; vừa tạo sự gần gũi, hấp dẫn, vừa có sự đổi mới theo yêu cầu của CT; vận dụng đa dạng hình thức thực hành, sáng tạo và vật liệu sẵn có, tạo thuận lợi cho GV tổ chức DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

– *Thứ tư*, bảo đảm cho việc thực hiện DH tích hợp; DH mở, DH cá thể hóa hoạt động của HS và DH phân hóa để phát triển năng lực HS (Ví dụ: Kết hợp tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm với khám phá, nhận biết kiến thức, kĩ năng; kết hợp một số hình thức và có nhiều cách thực hành trong một bài học; GV được linh hoạt tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm cá

³ Đã nêu tại mục 3.1, nội dung I của Tài liệu

nhân hoặc sản phẩm nhóm phù hợp với ý tưởng DH, mức độ thực hiện của HS và thực hiện đánh giá quá trình trong DH,...).

– *Thứ năm*, tăng dần độ “khó” về kiến thức để phù hợp với tâm lí lứa tuổi và tiến độ học tập của HS, thể hiện nối tiếp kiến thức, kĩ năng ở bài trước với bài sau, giúp HS vừa được tiếp nhận, vận dụng, luyện tập, vừa được củng cố và mở rộng mạch kiến thức theo yêu cầu cần đạt trong CT lớp 3.

– *Thứ sáu*, đặc biệt: Nội dung các bài học nhất quán với mục tiêu chủ đề; nội dung các hoạt động trong mỗi bài học được nhất quán với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học đã nêu. Nghĩa là, kiến thức trọng tâm của bài học đã nêu ở mục tiêu sẽ được cụ thể ở nội dung tất cả các hoạt động trong bài học (bao gồm kênh hình và kênh chữ). Ưu điểm vượt trội này của sách Mĩ thuật, Cánh diều sẽ giúp GV thuận lợi trong DH thể hiện rõ trọng tâm bài học và bảo đảm tính khoa học, logic trong tiến trình DH; giúp HS dễ hiểu, từng bước nắm chắc kiến thức, phát triển kĩ năng và tránh được kiểu “học vẹt” trong học tập.

3.3. Yêu cầu chung trong xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học các dạng bài

– Trước khi tiến hành xây dựng KH/soạn giáo án và tổ chức DH, GV cần xác định được mục tiêu, kiến thức trọng tâm của mỗi bài học, làm cơ sở để lựa chọn PP, hình thức tổ chức, phương tiện, đồ dùng DH phù hợp với thực tiễn và đạt được mục tiêu bài học.

– Thiết kế, tổ chức các hoạt động DH trong mỗi bài học: Cần nhất quán mục tiêu đã nêu.

Ví dụ: *Bài 1: Những màu sắc khác nhau*

Mục tiêu trọng tâm của bài học là màu thứ cấp. Sự nhất quán mục tiêu này ở mỗi hoạt động trong bài học như sau:

+ Hoạt động Quan sát, nhận biết: Gợi nhắc HS màu cơ bản (đã học ở lớp 2); *Tổ chức HS nhận biết màu thứ cấp.*

+ Hoạt động Thực hành, sáng tạo: *Tổ chức HS tìm hiểu hai cách tạo sản phẩm có các màu thứ cấp là chính, đó là vẽ màu và xé, cắt dán giấy màu; tổ chức HS thực hành, sử dụng màu thứ cấp là chính và vận dụng cách vẽ hoặc xé, cắt, dán (có thể in, nặn) để tạo sản phẩm (cá nhân/nhóm).*

+ Hoạt động Cảm nhận, chia sẻ: *Gợi mở HS giới thiệu màu thứ cấp, kết hợp các màu khác trên sản phẩm, ...*

+ Hoạt động Vận dụng: *Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá thêm ý tưởng, cách thực hành với màu thứ cấp.*

+ Tổng kết tiết học/bài học: *Nhắc lại kiến thức (màu thứ cấp), kĩ năng thực hành, ...*

– GV cần linh hoạt tổ chức HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong mỗi hoạt động và giao nhiệm vụ cho HS cần rõ ràng, cụ thể. Đối với hoạt động thực hành, nên tổ chức HS theo đơn vị nhóm, nếu nhiệm vụ thực hành tạo sản phẩm cá nhân, thì cần có thêm nhiệm vụ quan sát, trao đổi, chia sẻ cùng bạn trong nhóm, giúp HS được học hỏi lẫn nhau và phát triển khả năng giao tiếp, cảm nhận thẩm mĩ trong thực hành. Khuyến khích HS lựa chọn họa phẩm, vật liệu, cách thực hành theo sở thích và có thể làm khác sách, khác thầy cô.

– Trong lúc HS thực hành: GV cần quan sát HS thực hành, trao đổi và có thể gợi mở, hướng dẫn, hỗ trợ HS; qua đó có thể nắm bắt được khả năng thực hiện nhiệm vụ của HS và

thông tin HS thu nhận được trong thảo luận, để làm căn cứ điều chỉnh phương pháp, nội dung thảo luận và vận dụng vào đánh giá trong DH.

– Để tạo thêm sự phong phú cho hình ảnh trực quan, GV nên sưu tầm hoặc tự làm đồ dùng DH (ảnh/video clip hoặc vật thật,...). Những hình ảnh/video clip hoặc vật thật/vật liệu (trong tự nhiên, trong đời sống) và các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật (của HS/thiếu nhi, họa sĩ, nghệ nhân) sử dụng và bổ sung cần lựa chọn có tính điển hình, gần gũi, quen thuộc với HS, thể hiện rõ trọng tâm bài học; nếu có thể là những sản phẩm, tác phẩm sẵn có ở địa phương hoặc liên quan đến địa phương, góp phần khơi gợi niềm tự hào của HS về quê hương.

III. GỢI Ý DẠY HỌC CÁC DẠNG BÀI

A. Dạng bài nhận biết kiến thức và tập thực hành, sáng tạo, hình thành kĩ năng

Chủ đề 2: Hình ảnh nổi bật

Bài 3. Sự thú vị của hình ảnh nổi bật (2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mỹ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt sau:

- Nhận biết được hình ảnh nổi bật trên một sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật; bước đầu làm quen với tìm hiểu tác phẩm mỹ thuật có thể hiện hình ảnh nổi bật.
- Bước đầu tạo được hình ảnh nổi bật trên sản phẩm theo ý thích và tập trao đổi trong thực hành.
- Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm, hình ảnh nổi bật trong sản phẩm của mình, của bạn và chia sẻ cảm nhận.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số năng lực chung và năng lực ngôn ngữ, khoa học,... như: *trao đổi, chia sẻ; lựa chọn hình ảnh, màu sắc khác biệt với hình ảnh ở xung quanh để tạo nổi bật cho sản phẩm; quan sát phát hiện hình ảnh nổi bật có thể có trong thiên nhiên, cuộc sống, trong sản phẩm/tác phẩm mỹ thuật,...*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS đức tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm, lòng nhân ái,... thông qua một số biểu hiện, như: *Chuẩn bị một số đồ dùng cần thiết để thực hành, sáng tạo; yêu thích, tôn trọng cách tạo hình ảnh nổi bật trên sản phẩm mỹ thuật của mình, của bạn; giữ vệ sinh lớp học, đồ dùng và trang phục sau khi thực hành,...*

Nội dung dạy học ở mỗi tiết như sau:

TIẾT 1

1. Hoạt động Quan sát, nhận biết (tr.14, SGK)

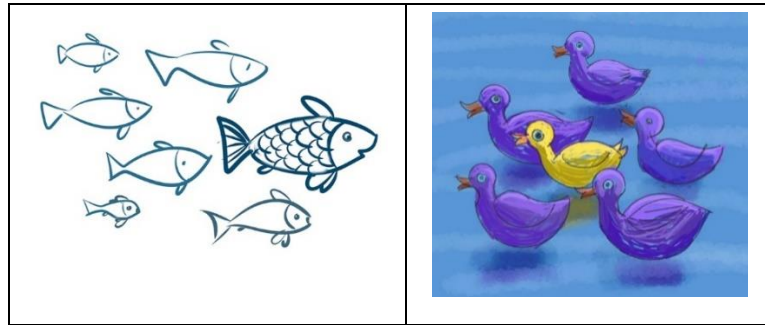
1.1. Tìm hình ảnh khác biệt, nổi bật trong hình ảnh trực quan

a. Mục tiêu

HS giới thiệu được hình ảnh khác biệt, nổi bật trên mỗi hình ảnh và tác phẩm mỹ thuật

b. Gợi ý dạy học

– GV tổ chức HS quan sát, trao đổi và giao nhiệm vụ: Tìm sự khác biệt về hình và màu ở H1, H2.



– GV vận dụng đánh giá: HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng, GV nhận xét và giới thiệu rõ hơn sự khác biệt về hình ở H1, về màu ở H2.

– GV gợi mở HS quan sát, trao đổi và tìm hình ảnh nổi bật trong tác phẩm: Giặc đốt làng tôi.



– GV tóm tắt, chia sẻ, bổ sung, nhận xét của HS và chỉ ra hình ảnh nổi bật trong tác phẩm, kết hợp giới thiệu một số thông tin về họa sĩ Nguyễn Sáng và tác phẩm.

– GV gợi mở HS tìm hình ảnh hoặc màu sắc nổi bật trong lớp hoặc đã biết; kết hợp sử dụng câu kết luận để tóm tắt nội dung quan sát và nhắc HS kiến thức trọng tâm của bài học.

c. Gợi ý mở rộng

GV giới thiệu thêm một số hình ảnh trong đời sống và sản phẩm mỹ thuật, gợi mở HS chỉ ra/giới thiệu hình ảnh nổi bật. Ví dụ:



2. Hoạt động Thực hành, sáng tạo

2.1. Cách thực hành

2.1.1. Tạo hình ảnh nổi bật bằng cách vẽ, cắt, dán (tr.15, SGK)

a. Mục tiêu

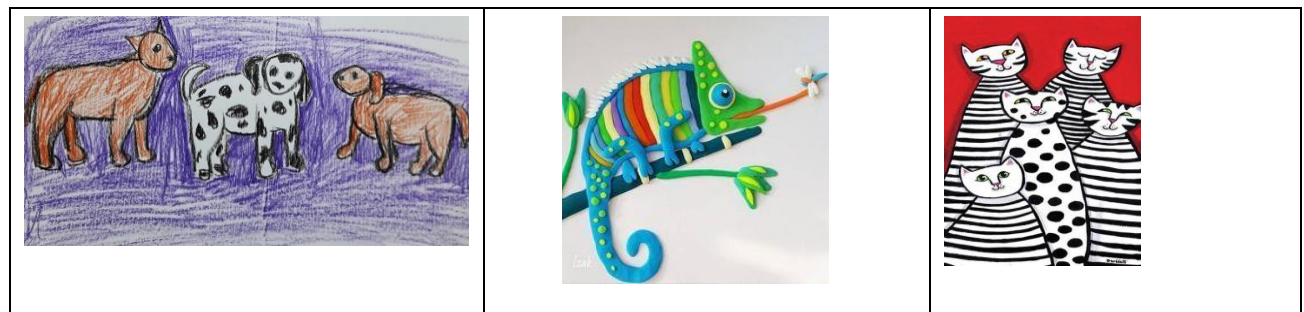
HS nắm được cách thực hành tạo hình ảnh nổi bật bằng cách vẽ, xé, cắt dán.

b. Gợi ý dạy học

– GV tổ chức HS quan sát và giao nhiệm vụ: + Nêu các bước tạo sản phẩm? + Hình ảnh nào nổi bật trên sản phẩm? Màu sắc của hình ảnh, chi tiết? Hình ảnh đó ở vị trí nào trên sản phẩm? – GV vận dụng đánh giá: HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng; GV nhận xét; kết hợp hướng dẫn HS các bước thực hành (trực tiếp hoặc trình chiếu). – GV gợi mở HS: Tạo hình ảnh nổi bật bằng cách chọn những chi tiết như: mỏ, mào, chân chim và sử dụng màu tươi sáng/khác biệt với những mảng màu xung quanh.	
--	--

c. Gợi ý mở rộng

- Có thể gợi mở HS tạo hình những con vật khác như voi, cá, ngựa,... và chọn lựa hình ảnh nổi bật bằng các chi tiết có màu sắc khác biệt.
- Có thể giới thiệu thêm một số sản phẩm cùng chủ đề hoặc các chủ đề khác (hoa, quả, nhà...).
- Có thể tổ chức HS tạo sản phẩm nhóm.



2.1.2. Tạo hình ảnh nổi bật bằng cách vẽ màu (tr.15, SGK)

a. Mục tiêu

HS nắm được cách thực hành tạo hình ảnh nổi bật bằng cách vẽ màu.

b. Gợi ý dạy học

- GV tổ chức HS quan sát và giao nhiệm vụ:
- + Nêu các bước tạo sản phẩm?
- + Hình ảnh nào nổi bật trên sản phẩm?
- GV vận dụng đánh giá: HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng, GV nhận xét và kết hợp hướng dẫn HS cách thực hành thông qua một số thao tác chính (hoặc trình chiếu).
- GV lưu ý HS: tạo hình ảnh nổi bật bằng cách vẽ hình hoa to, có màu tươi vào vị trí trung tâm
- GV gợi mở HS vẽ sản phẩm với các hình ảnh ngôi nhà, cây, con vật,... Trong đó, tạo hình ảnh nổi bật bằng cách dùng hình ảnh khác biệt hoặc màu sắc nổi bật đặt vào vị trí khoảng giữa khổ giấy/bức tranh.



c. Gợi ý mở rộng

GV giới thiệu thêm một số sản phẩm cùng chủ đề hoặc chủ đề khác.



2.2. Thực hành, sáng tạo sản phẩm

a. Mục tiêu

HS tạo được sản phẩm có hình ảnh nổi bật theo ý thích bằng cách vẽ màu hoặc cắt, xé, dán và tập trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

b. Gợi ý dạy học

- GV bố trí HS ngồi theo nhóm và giao nhiệm vụ:
- + Tạo sản phẩm cá nhân có hình ảnh nổi bật (mức độ đơn giản).
- + Trao đổi, chia sẻ với bạn về ý tưởng thực hành của mình, tìm hiểu ý tưởng thực hành của bạn, như: lựa chọn chủ đề, cách thực hành, hình ảnh/màu sắc nổi bật,...
- GV gợi mở HS:
- + Chọn cách thực hành (vẽ, cắt, dán hoặc vẽ để tạo sản phẩm); nhắc HS sử dụng công cụ an toàn, vệ sinh,...
- + Chọn hình ảnh thể hiện theo chủ đề yêu thích như: cây, nhà, con vật, hoa, quả,...

– GV quan sát HS thực hành, trao đổi để có thể hướng dẫn, giải thích, gợi mở hoặc hỗ trợ HS và vận dụng vào đánh giá thường xuyên.

c. Gợi ý mở rộng

GV gợi mở HS có thể sử dụng đất nặn để thực hành.

3. Hoạt động Cảm nhận, chia sẻ

a. Mục tiêu

HS trưng bày, giới thiệu được sản phẩm; chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

b. Gợi ý dạy học

- GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm (theo nhóm hoặc nội dung thể hiện...).
- GV vận dụng gợi ý trong SGK, kết hợp sản phẩm của HS để gợi mở HS giới thiệu, chia sẻ cảm nhận: tên sản phẩm, hình ảnh/màu sắc nổi bật, cách tạo sản phẩm,...
- GV nhận xét kết quả thực hành.

c. Gợi ý mở rộng

GV gợi mở chia sẻ cảm nhận về sản phẩm yêu thích và giải thích vì sao?

4. Hoạt động tìm hiểu vận dụng và hướng dẫn HS chuẩn bị học tiết 2 của bài học

a. Mục tiêu

HS biết liên hệ sử dụng sản phẩm vào đời sống và đồ dùng học tập cần chuẩn bị cho học tiết 2 của bài học.

b. Gợi ý dạy học

- GV gợi mở HS chia sẻ ý tưởng sử dụng sản phẩm.
- GV tóm tắt chia sẻ của HS và gợi mở một số cách sử dụng sản phẩm vào đời sống.

c. Gợi ý mở rộng

GV gợi mở HS chia sẻ ý tưởng tạo thêm sản phẩm (chủ đề/hình ảnh nào, bằng cách nào?) và hướng dẫn HS chuẩn bị đồ dùng học tập.

TIẾT 2

1. Hoạt động Quan sát, nhận biết

a. Mục tiêu

HS nêu được cách thực hành đã vận dụng ở tiết 1, tìm hiểu sản phẩm có nhiều hình ảnh theo chủ đề.

b. Gợi ý dạy học

- GV gợi mở HS nhắc lại cách thực hành đã vận dụng để tạo sản phẩm ở tiết 1.

– GV tóm tắt nội dung tiết 1, tổ chức HS quan sát Một số sản phẩm tham khảo (tr.16, SGK).



– GV yêu cầu HS trao đổi, giới thiệu về sản phẩm, như: Tên và chủ đề ở mỗi sản phẩm, các hình ảnh có trên sản phẩm, màu sắc,... hình ảnh nổi bật/trọng tâm, cách tạo sản phẩm,...

– GV vận dụng đánh giá: HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng, GV nhận xét và giới thiệu rõ hơn về chủ đề, hình ảnh thể hiện, cách thực hành,...

– GV nhấn mạnh thêm: Có thể tạo sản phẩm có hình ảnh nổi bật bằng cách vẽ, xé, cắt, dán, nặn.

c. Gợi ý mở rộng

GV có thể giới thiệu thêm hình ảnh sản phẩm tham khảo và gợi mở HS nhận ra hình ảnh, màu sắc trọng tâm/nổi bật. (có thể kết hợp gợi mở HS nhắc lại các màu cơ bản, màu thứ cấp có trên sản phẩm. Ví dụ:



2. Hoạt động Thực hành, sáng tạo

a. Mục tiêu

HS tạo được sản phẩm nhóm theo chủ đề bằng cách thực hành theo ý thích.

b. Gợi ý dạy học

- GV giao nhiệm vụ: Tạo sản phẩm nhóm bằng vẽ hoặc cắt, xé, dán, nặn.
- GV hướng dẫn HS cách làm việc nhóm:

+ Thảo luận: Chọn chủ đề: hoa, quả cây, con vật,... và cách thực hành (vẽ hoặc, cắt, xé, dán, nặn).

+ Phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên và phối hợp tạo sản phẩm (tạo hình ảnh, tạo nền, vị trí hình ảnh chính/hình ảnh nổi bật trên sản phẩm,...).

– GV quan sát các nhóm thực hành, nắm bắt mức độ thực hiện và có thể hướng dẫn, gợi mở,...; kết hợp vận dụng đánh giá thường xuyên.

c. Gợi ý mở rộng

GV gợi mở HS có thể kết hợp các hình thức: vẽ, cắt, dán, in để tạo sản phẩm. Nếu tiết 1 HS đã tạo sản phẩm nhóm, ở tiết 2, có thể tiếp tục hoàn thiện (nếu tiết 1 chưa xong) hoặc tổ chức HS tạo sản phẩm cá nhân.

3. Hoạt động Cảm nhận, chia sẻ

a. Mục tiêu

HS trưng bày sản phẩm nhóm và giới thiệu, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn.

b. Gợi ý dạy học

– GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm (theo chủ đề, chất liệu, hình thức thực hành,...).

– GV vận dụng gợi ý trong (tr.16, SGK) và kết hợp sản phẩm của các nhóm HS để gợi mở nội dung HS giới thiệu, trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận.

– Vận dụng đánh giá: HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; GV nhận xét kết quả học tập, khích lệ, động viên nhóm HS, cá nhân trong nhóm.

c. Gợi ý mở rộng

Có thể sử dụng kỹ thuật phòng tranh, tia chớp,...; Có thể gợi mở HS giới thiệu màu thứ cấp, màu cơ bản trên sản phẩm.

4. Hoạt động Vận dụng, tổng kết bài học và hướng dẫn học bài 4

a. Mục tiêu

HS nắm rõ thêm nội dung bài học: hình ảnh nổi bật/trọng tâm, hình thức thực hành, chất liệu, vật liệu sử dụng để thực hành tạo sản phẩm.

b. Gợi ý dạy học

– GV tổ chức HS quan sát toàn bộ sản phẩm trưng bày và trao đổi, chọn sản phẩm có hình ảnh trọng tâm yêu thích và nêu hình thức thực hành.

– Tóm tắt chia sẻ của HS; kết hợp sử dụng câu kết luận trong SGK để tổng kết bài học.

c. Gợi ý mở rộng

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu và chuẩn bị học bài 4.

B. Dạng bài vận dụng kiến thức, kĩ năng vào luyện tập, thực hành, sáng tạo

Bài 15: Những khuôn in thú vị (2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt sau:

- Tạo được khuôn in bằng giấy, bìa giấy,... theo ý thích.
- Sáng tạo được sản phẩm tranh in bằng cách in đơn giản.
- Trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số năng lực chung và năng lực ngôn ngữ, tính toán,... thông qua: *Trao đổi, chia sẻ; xác định được hình dạng, đặc điểm của hình ảnh lựa chọn làm khuôn in và đặt vị trí khuôn in để in phù hợp với khổ giấy/trang vở thực hành; ...*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: *Chuẩn bị một số đồ dùng cần thiết, như: giấy/bìa giấy, kéo, màu. Giữ vệ sinh cá nhân và lớp học; tôn trọng sáng tạo sản phẩm của bạn bè,...*

❖ Nội dung DH thực hiện ở mỗi tiết như sau:

TIẾT 1

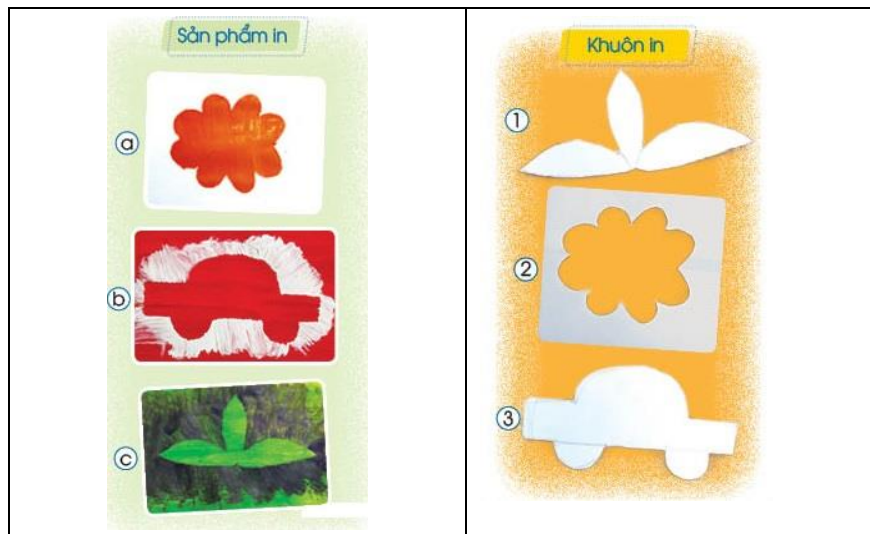
1. Hoạt động Quan sát, nhận biết

a. Mục tiêu

HS nêu được sản phẩm in phù hợp với khuôn in và biết được có nhiều cách tạo huôn in khác nhau.

b. Gợi ý dạy học

- GV tổ chức HS quan sát (tr.58, SGK) và trao đổi, trả lời câu hỏi:
 - + Giới thiệu tên hình ảnh ở sản phẩm in (H.a, b, c) và tìm khuôn in (H.1, 2, 3) tương ứng với hình ảnh?
 - + Chỉ ra sự giống nhau và khác nhau giữa 3 khuôn in ở hình 1, 2, 3?



– GV vận dụng đánh giá: HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng, Gv nhận xét và giới thiệu rõ hơn:

+ Hình ảnh trên mỗi sản phẩm in và tương ứng với mỗi khuôn in
 + Sự khác nhau ở các khuôn in H.1, 2, 3, kết hợp thị phạm một số thao tác, giải thích khuôn in đặc, khuôn in rỗng và cách in.

– GV tóm tắt nội dung quan sát, kết hợp sử dụng câu chốt trong SGK.

c. Gợi ý mở rộng

GV giới thiệu thêm một số hình ảnh sản phẩm in, có thể gồm khuôn in (hoặc nguyên mẫu); các sản phẩm thể hiện nhiều ảnh khác nhau: Hoa, quả, lá, mây, mặt trời, con vật, đồ chơi, đồ vật,...

2. Hoạt động Thực hành, sáng tạo

a. Mục tiêu

HS nắm được cách tạo khuôn in (rỗng, đặc), cách in tạo sản phẩm bằng màu goát, màu sáp (hoặc màu dạ, màu nước...) và vận dụng vào thực hành, tạo được sản phẩm tranh in mức độ đơn giản, tập trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

2.1. Cách thực hành

a. Mục tiêu

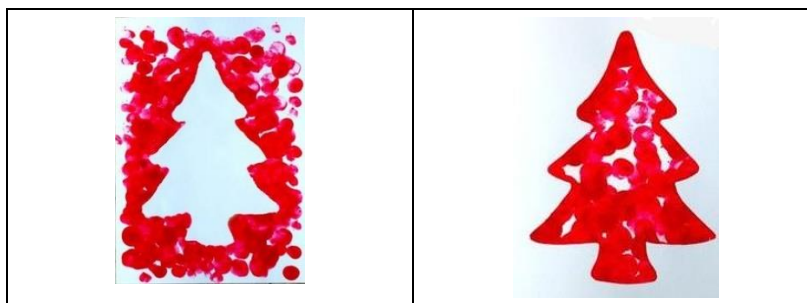
HS nắm được cách tạo khuôn in trống và in tạo sản phẩm bằng màu goát; cách tạo khuôn in đặc và in bằng màu sáp.

b. Gợi ý dạy học

– GV tổ chức HS quan sát:



- Yêu cầu HS trao đổi và trả lời câu hỏi:
 - + Khuôn in là những hình ảnh nào? Cách tạo khuôn in?
 - + Cách in tạo sản phẩm bằng màu goát, màu sáp?
 - + Sản phẩm (H4) kết giữa in với hình thức nào?
- GV vận dụng đánh giá: HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng, Gv nhận xét và giới thiệu, thị phạm một số thác tác thực hành tương ứng với mỗi cách:
 - + Tạo sản phẩm in bằng màu goát (hoặc có thể thay bằng màu nước, màu sáp, màu dạ)
 - + Tạo sản phẩm in bằng màu sáp (hoặc có thể thay bằng màu goát, màu nước, màu dạ).
- GV giới thiệu thêm một số sản phẩm:



c. Gợi ý mở rộng

GV có thể thị phạm và gợi mở HS dùng màu sáp để in sản phẩm với khuôn in này.

2.2. Tổ chức học sinh thực hành

a. Mục tiêu

HS tạo được khuôn in có hình ảnh đơn giản và in tạo sản phẩm sản phẩm tranh in theo ý thích, tập trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

b. Gợi ý dạy học

- Bố trí HS ngồi theo nhóm và giao nhiệm vụ cá nhân:
 - + Tạo khuôn in theo cách yêu thích (khuôn rỗng hoặc khuôn in đặc) và in tạo sản phẩm bằng chất liệu màu sẵn có (màu goát hoặc màu sáp, màu dạ). Gợi nhắc HS có thể sử dụng màu cơ bản, màu thứ cấp hoặc màu theo ý thích để thực hành.

+ Trao đổi, thảo luận với bạn về ý tưởng và quan sát bạn trong nhóm để học hỏi, tham khảo cách thực hành của bạn.

– GV hướng dẫn HS quan sát, tìm hiểu ý tưởng, cách in ở một số sản phẩm tham khảo (tr.61, SGK) và sản phẩm sưu tầm.



Lưu ý: Tiết 1 tập trung tạo khuôn in và in 1 – 2 hình trên giấy.

GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ (thực hành, chia sẻ) để có thể nắm bắt mức độ hiểu và kỹ năng thực hiện của HS, như: vẽ, cắt, in, trang trí... và có thể hướng dẫn, gợi mở, hỗ trợ... HS, giúp HS thực hiện tốt hơn.

c. Gợi ý mở rộng

Nếu HS có tiến độ làm nhanh, có thể khuyến khích HS in nhiều hình và vẽ thêm chi tiết trên sản phẩm theo ý thích.

3. Hoạt động Cảm nhận, chia sẻ

a. Mục tiêu

HS trưng bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

b. Gợi ý dạy học

– GV hướng dẫn, HS, trưng bày, quan sát sản phẩm.

– GV cần dựa vào kết quả sản phẩm và gợi ý trong SGK để gợi mở nội dung HS trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận (Ví dụ: sản phẩm có hình ảnh gì? Tạo khuôn hình bằng cách nào? In tạo sản phẩm bằng và màu nào?).

– GV vận dụng đánh giá: HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng, nhận xét kết quả thực hành

c. Gợi ý mở rộng

GV có thể hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm theo nhóm hoặc treo trên dây thép quanh lớp, tạo cuộc triển lãm tranh in theo chủ đề (động vật, hoa quả...).

4. Hoạt động Vận dụng, tổng kết tiết học và hướng dẫn chuẩn bị học tiết 2 của bài học

a. Mục tiêu

HS chia sẻ ý tưởng tạo thêm chi tiết trên sản phẩm và mong muốn tạo thêm sản phẩm.

b. Gợi ý dạy học

– GV tổ chức HS quan sát các sản phẩm, gợi mở HS chia sẻ mong muốn vẽ thêm chi tiết trên sản phẩm (lá, hoa, mây,...) và tạo thêm sản phẩm khác (Ví dụ: Hình ảnh, cách tạo khuôn, cách in, chất liệu màu,...).

– Gv tóm tắt chia sẻ của HS. Tổng kết tiết học, hướng dẫn HS chuẩn bị đồ dùng để học tiết 2.

c. Gợi ý mở rộng

GV có thể giới thiệu nhiệm vụ thực hành tạo sản phẩm nhóm ở tiết 2 và hướng dẫn các nhóm phân công chuẩn bị đồ dùng, họa phẩm.

TIẾT 2

1. Hoạt động Quan sát, nhận biết

a. Mục tiêu

HS nêu cách thực hành đã vận dụng ở tiết 1, tìm hiểu sản phẩm in có sự đa dạng về hình ảnh và kết hợp các hình thức, chất liệu thực hành.

b. Gợi ý dạy học

- GV tổ chức HS giới thiệu cách thực hành đã tạo sản phẩm ở tiết 1.
- GV tổ chức HS quan sát hình ảnh một số sản phẩm, gợi mở HS nhận ra cách in, kết hợp vẽ màu, vẽ hình,...

	
	
– Vận dụng đánh giá: HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; GV nhận xét. – Gợi mở các nhóm HS chia sẻ ý tưởng tạo sản phẩm nhóm.	

c. Gợi ý mở rộng

– GV có thể giới thiệu một số sản phẩm có kết hợp vẽ, in và sử dụng các cách in, chất liệu màu khác nhau



2. Hoạt động Thực hành, sáng tạo

a. Mục tiêu

HS tạo được sản phẩm nhóm bằng cách in yêu thích với chất liệu màu có sẵn.

b. Gợi ý thực hiện

- GV giao nhiệm vụ: Tạo sản phẩm in của nhóm.
- GV gợi ý rõ hơn:
 - + Thảo luận nhóm: Chọn hình ảnh yêu thích và tạo khuôn in, vận dụng một hoặc cả hai cách in để tạo sản phẩm nhóm bằng chất liệu màu có sẵn.
 - + Phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên và phối hợp để tạo sản phẩm.
 - + Tham khảo các sản phẩm vừa tìm hiểu để tạo sản phẩm theo cách yêu thích của nhóm.

Lưu ý:

- GV quan sát các nhóm thực hành, nắm bắt mức độ thực hiện và có thể hướng dẫn, gợi mở...; kết hợp thực hiện đánh giá thường xuyên.
- GV giới thiệu một số sản phẩm tham khảo:

c. Gợi ý mở rộng

Có thể tạo hình ảnh cùng một chủ đề như: Hoa, quả, cây, con vật,... hoặc có các hình ảnh khác nhau trên sản phẩm.



3. Hoạt động Cảm nhận, chia sẻ

a. Mục tiêu

HS trưng bày sản phẩm nhóm và giới thiệu, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn.

b. Gợi ý dạy học

- GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm phù hợp với lớp học: Tại vị trí của nhóm hoặc treo trên bảng, trên giá,...
- GV vận dụng một số gợi ý trong (tr.12, SGK) và kết hợp sản phẩm của các nhóm HS để gợi mở nội dung HS giới thiệu, trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận.
- Vận dụng đánh giá: HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; GV nhận xét ý thức, kết quả học tập, khích lệ, động viên nhóm HS, cá nhân trong nhóm.

c. Gợi ý mở rộng

Có thể sử dụng kỹ thuật phòng tranh, tia chớp, công não,...

4. Hoạt động Vận dụng, tổng kết bài học và hướng dẫn học Bài 16

a. Mục tiêu

HS biết được có thể sáng tạo tranh in về chủ đề và cách thực hành yêu thích

b. Gợi ý dạy học

– Tổ chức HS quan sát hình ảnh (tr.12, SGK) và hình ảnh sưu tầm, gợi mở HS nhận ra chủ đề, cách thực hành, chất liệu màu trên mỗi sản phẩm.



– Nhận xét, tổng kết bài học, kết hợp sử dụng câu chốt (tr.12, SGK).

c. Gợi ý mở rộng

– Có thể hướng dẫn HS các thực hành với dựa trên hình ảnh ở trên (nếu thời gian cho phép).

– Hướng dẫn HS chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,... phù hợp với nội dung bài 16.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương tiện hỗ trợ

5.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Yêu cầu trọng tâm của đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức DH trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018 là: *Kết hợp lồng ghép thực hành và thảo luận nghệ thuật*. Nội dung, bản chất và cách thức tổ chức dạy học *Kết hợp lồng ghép thực hành và thảo luận nghệ thuật* được trình bày cụ thể trong SGK Mỹ thuật 3. Do vậy, PP học tập nhóm cần được vận dụng và phát huy hiệu quả trong tiến trình DH. Tuy nhiên, khả năng chủ động thực hiện hoạt động thảo luận của HS lớp 3 còn hạn chế; vì vậy, GV cần có gợi mở, giao nhiệm vụ cụ thể cho HS (cá nhân/nhóm), nhằm tạo thói quen chia sẻ, trao đổi trong mỗi hoạt động học tập, đặc biệt trong thực hành, giúp HS phát triển khả năng và mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp hằng ngày.

Đồng thời, cần phát huy hiệu quả của các PP đặc trưng, như: quan sát, trực quan, gợi mở, thị phạm minh họa, luyện tập, thực hành, nêu và giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn,... và các phương pháp, kỹ thuật DH tích cực, như trò chơi, động não, bể cá, sơ đồ tư duy, tia chớp,... phù hợp với nội dung bài học và điều kiện thực tiễn, hướng đến đạt được mục tiêu bài học, góp phần bồi dưỡng phẩm chất, hình thành, phát triển năng lực chung, năng lực đặc thù khác ở HS; đặc biệt bồi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ, tình yêu nghệ thuật và cuộc sống, kích thích hứng thú, khích lệ sáng tạo ở HS.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn, ngoài phòng học bộ môn/lớp học trong trường, Gv có thể vận dụng, khai thác các không gian khác, như: sân trường, vườn trường, phòng truyền

thống, nhà tập đa năng... và một số địa điểm ngoài trường, như bảo tàng, nhà lưu niệm, làng nghề... (nếu có thể) trong DH.

5.2. Phương tiện hỗ trợ dạy học

– Khai thác, sử dụng hiệu quả các đồ dùng, thiết bị DH được trang bị trong phòng học bộ môn tại Thông tư 43/2020/TT-BGDĐT, ngày 03/11/2020 của Bộ GD&ĐT.

– GV cần/nên sưu tầm hoặc tự làm đồ dùng DH/video clip để phù hợp với ý tưởng DH trên cơ sở bảo đảm yêu cầu cần đạt quy định trong CT lớp 2, cũng như mục tiêu, nội dung DH cụ thể trong SGK.

– GV có thể/nên khai thác, sử dụng một số đồ dùng, thiết bị DH tối thiểu của một số môn học, hoạt động GD khác được quy định tại Thông tư 43 (nêu trên). Ví dụ: Thiết bị DH môn Toán, Tự nhiên và xã hội, Hoạt động trải nghiệm... trong DH mỹ thuật.

– GV nên vận dụng thiết bị công nghệ của cá nhân (điện thoại, máy ảnh) để lưu giữ hình ảnh sản phẩm của HS làm tư liệu phục vụ DH.

6. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

6.1. Yêu cầu chung

– Giáo viên vận dụng Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, kết hợp với những hướng dẫn của Vụ GD tiểu học và Sở/Phòng/Nhà trường (nếu có) để thực hiện đánh giá HS.

– Đối tượng đánh giá là sự chuẩn bị bài học, quá trình học tập, rèn luyện và sản phẩm thực hành của HS.

– Không nên coi trọng mức độ HS hoàn thành sản phẩm, không nên so sánh giữa HS này với HS khác, hoặc giữa các nhóm HS. Đánh giá cần dựa trên năng lực và chính sự tiến bộ của HS (cá nhân/nhóm) trong quá trình học tập; đánh giá để giúp HS cải thiện kết quả học tập, kích thích hứng thú và nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ, tình yêu nghệ thuật; cũng như bảo đảm nguyên tắc HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực mỹ thuật; hạn chế tối đa tính chủ quan, áp đặt của người đánh giá.

– Thực hiện đánh giá thường xuyên trong tiến trình DH, coi trọng việc tạo cơ hội, điều kiện để HS được tự đánh giá, tham gia đánh giá (đánh giá đồng đẳng).

6.2. Nội dung, phương pháp đánh giá

– Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của HS đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực mỹ thuật, biểu hiện của năng lực thẩm mỹ trong lĩnh vực mỹ thuật theo yêu cầu của CT lớp 2.

– Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS thông qua các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và những năng lực cốt lõi (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo), năng lực đặc thù khác (ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thể chất).

– Sử dụng đa dạng các PP đánh giá qua quan sát, nhật kí ghi chép quá trình học tập của HS; đánh giá qua sản phẩm (ý tưởng, kiến thức, kĩ năng); đánh giá qua trao đổi, phỏng vấn/hỏi đáp để thu thập thông tin và đưa ra nhận xét, gợi ý, giúp đỡ HS kịp thời; đánh giá qua bài viết/tự luận có nội dung ngắn, gọn, ít từ như: Giới thiệu sản phẩm, liên hệ ứng dụng sản phẩm, bày tỏ cảm xúc về sản phẩm và nội dung chủ đề,... từ đó làm cơ sở để vận dụng đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

6.3. Hình thức đánh giá

6.3.1. Đánh giá thường xuyên

Hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình DH. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS, để kịp thời điều chỉnh quá trình DH, hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS theo mục tiêu giáo dục ở từng khối lớp và cấp học. Đánh giá thường xuyên chủ yếu thông qua lời nói (trao đổi, nhận xét, chỉ ra ưu điểm/hạn chế, gợi ý điều chỉnh,...); có thể viết nhận xét vào vở thực hành hoặc\ sản phẩm học tập của HS khi cần thiết.

6.3.2. Đánh giá định kì

Là đánh giá kết quả giáo dục HS sau một giai đoạn học tập, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HS theo yêu cầu cần đạt về năng lực kĩ thuật quy định trong CT và năng lực chung, năng lực đặc thù khác, phẩm chất chủ yếu phù hợp với môn học, bài học, thời điểm đánh giá.

Đánh giá định kì theo các mức độ sau:

- *Hoàn thành tốt*: thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.
- *Hoàn thành*: thực hiện được các yêu cầu học tập và có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.
- *Chưa hoàn thành*: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập hoặc chưa có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

IV. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU SỬ DỤNG TRONG DẠY HỌC, THAM KHẢO, BỔ TRỢ

1. Sách giáo khoa

– Đặc điểm: Trọng tâm là nội dung các bài học được cụ thể các yêu cầu cần đạt trong CT môn kĩ thuật lớp 3 (2018).

– Mục đích: GV sử dụng để tổ chức DH, giúp HS đạt được yêu cầu cần đạt của CT, góp phần hình thành, phát triển năng lực chung, năng lực đặc thù khác và bồi dưỡng phẩm chất chủ yếu ở HS.

– Đối tượng sử dụng chính: giáo viên, học sinh.

– Hướng dẫn cách sử dụng, khai thác trong dạy học:

- + Đối với nội dung mục “*Bài học này, em sẽ*”: là mục tiêu trọng tâm của bài học.
- + Đối với mục “*Chuẩn bị*”: GV có thể linh hoạt thay thế một hoặc một số đồ dùng, công cụ, vật liệu,... để phù hợp với ý tưởng tổ chức DH và điều kiện thực tiễn, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu bài học.

+ Nội dung “*Quan sát, nhận biết*”: GV có thể thay thế hoặc bổ sung hình ảnh để phù hợp với ý tưởng DH, điều kiện thực tiễn và bảo đảm được mục tiêu của hoạt động, thống nhất với mục tiêu bài học.

+ Nội dung “*Thực hành, sáng tạo*”: Tùy vào khả năng tiếp nhận của HS, GV có thể hướng dẫn cụ thể các bước hoặc một số thao tác “khó”. GV cần khích lệ HS chọn cách/vật liệu, họa phẩm,... để thực hành; linh hoạt tổ chức HS làm việc cá nhân, kết hợp làm việc nhóm (tạo sản phẩm cá nhân kết hợp thảo luận nhóm; tạo sản phẩm nhóm theo những công đoạn

khác nhau,...) và có thể sử dụng, khai thác hình ảnh trong Võ thực hành Mĩ thuật, nhằm giúp HS có thêm sự lựa chọn và tham khảo trong thực hành, sáng tạo. GV có thể tạo video/clip hoặc minh họa cụ thể, chi tiết hơn cách thực hành, bổ sung sản phẩm tham khảo,... trong DH và đạt hiệu quả.

+ Nội dung “*Cảm nhận, chia sẻ*”: Cần gợi mở, định hướng nội dung HS trao đổi, nhận xét, chia sẻ dựa vào mục tiêu bài học, quá trình học tập, thực hành, thảo luận và sản phẩm cụ thể của HS (cá nhân/nhóm), kết hợp nội dung gợi ý trong SGK.

+ Nội dung “*Vận dụng*”: Trọng tâm là gợi mở HS có thêm ý tưởng thực hành, sáng tạo, biết.

cách ứng dụng sản phẩm vào đời sống,... GV có thể thay thế hoặc bổ sung thêm hình ảnh (nếu phù hợp).

2. Sách giáo viên

– Đặc điểm: Nội dung tập trung hướng dẫn, gợi ý cách tổ chức DH nội dung các bài học trong SGK Mĩ thuật 3, nhằm đạt được mục tiêu đặt ra và yêu cầu của CT. Cấu trúc cuốn sách gồm ba phần:

+ Phần một: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA, CẤU TRÚC MĨ THUẬT 3 – SÁCH GIÁO VIÊN

+ Phần hai: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ, BÀI HỌC

– Mục đích: Giúp GV thuận lợi trong xây dựng KHDH/soạn giáo án và tổ chức DH đạt mục tiêu bài học theo yêu cầu của CT.

– Đối tượng sử dụng chính: Giáo viên

– Hướng dẫn sử dụng, khai thác trong dạy học:

+ GV cần xác định mục tiêu cụ thể đã nêu trong SGK như là điểm đến của quá trình DH với mỗi chủ đề, bài học.

+ GV có thể vận dụng và linh hoạt vận dụng nội dung các mục: Chuẩn bị và gợi ý tổ chức DH ở các hoạt động (khởi động; quan sát, nhận biết; thực hành, sáng tạo; cảm nhận, chia sẻ; vận dụng) để thiết kế các hoạt động DH theo yêu cầu về: DH tích hợp, DH mở, DH phân hóa phù hợp với nội dung bài học được phân bố ở mỗi tiết và điều kiện thực tiễn.

Cấu trúc nội dung hướng dẫn tổ chức DH các bài học trong SGK

	Tên chủ đề ... (thời lượng)
	Tên bài học ... (thời lượng)
I. MỤC TIÊU BÀI HỌC	
1. Năng lực mĩ thuật	
2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác	
3. Phẩm chất	
II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	
III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU	
A. TỔ CHỨC KHỞI ĐỘNG	
B. TỔ CHỨC DẠY HỌC	
a. Mục tiêu	
b. Gợi ý thực hiện	

c. *Gợi ý mở rộng*

1. Quan sát, nhận biết

2. Thực hành, sáng tạo

3. Cảm nhận, chia sẻ

4. Vận dụng

*** Lưu ý:**

Mục tiêu bài học

– Năng lực mỹ thuật: *Cụ thể, chi tiết mục tiêu trong SGK và thống nhất với yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình lớp 3*

– Năng lực chung và năng lực đặc thù khác: *Nhấn mạnh đến biểu hiện cụ thể về NL chung, NL đặc thù phù hợp với nội dung bài học.*

Phẩm chất

Nhấn mạnh đến một số biểu hiện về phẩm chất phù hợp với nội dung bài học.

Tổ chức các hoạt động

– Mục tiêu: Cần đạt được trong mỗi hoạt động cụ thể và thống nhất với mục tiêu bài học

– *Gợi ý dạy học:* Cách thức tổ chức DH theo nội dung SGK, giúp HS đạt được mục tiêu đã nêu.

Gợi ý mở rộng: Gợi mở cách tổ chức DH hoặc sử dụng đồ dùng, công cụ, hình ảnh trực quan, liên hệ thực tiễn,... nhằm tạo thêm sự hấp dẫn, phong phú cho nội dung hoạt động và bài học.

3. Vở thực hành

– Đặc điểm: Là hệ thống bài tập tương ứng với nội dung chủ đề, bài học trong SGK

– Mục đích: Giúp HS tiếp tục củng cố, luyện tập kiến thức, kỹ năng và học tốt Mỹ thuật lớp 3.

– Đối tượng sử dụng: Giáo viên, Học sinh

– Hướng dẫn cách sử dụng, khai thác trong dạy học:

+ HS sử dụng song song với SGK dưới sự hướng dẫn của GV.

+ GV có thể linh hoạt tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện dựa trên sự chuẩn của HS và phù hợp với nội dung bài học.

6. Tài liệu tham khảo, bổ trợ và địa chỉ kết nối giáo viên với tác giả sách

6.1. Hướng dẫn dạy học môn Nghệ thuật tiểu học theo chương trình GDPT 2018, phần Mỹ thuật, (NXB ĐHSP, 2019).

– *Đặc điểm:* Giới thiệu Chương trình môn Mỹ thuật 2018; hướng dẫn DH theo yêu cầu của Chương trình cấp tiểu học.

– *Mục đích:* Giúp GV nắm rõ hơn Chương trình Mỹ thuật cấp tiểu học về: Nội dung, yêu cầu cần đạt, PPGD, PP đánh giá kết quả học tập....

– *Đối tượng sử dụng chính:* Giáo viên

– *Hướng dẫn cách sử dụng, khai thác trong DH:* GV có thể tham khảo và vận dụng vào DH.

6.2. Group Sgk Mỹ thuật Cánh diều cấp tiểu học

- *Đặc điểm*: Group được tạo lập theo hình thức “nhóm kín”.
- *Mục đích*: Là nơi để GV và tác giả SGK cùng trao đổi, chia sẻ về thực hiện DH nội dung sách Mỹ thuật Cánh diều, cấp tiểu học.
- *Đối tượng tham gia*: Gv sử dụng SGK Mỹ thuật Cánh diều và GV DH Mỹ thuật tiểu học trên toàn quốc.
- *Hướng dẫn tham gia*: Gv đăng kí tham gia nhóm (nếu muốn).

V. GIỚI THIỆU KẾ HOẠCH DẠY HỌC MINH HỌA

1. Giới thiệu tên và nội dung bài học

- **Tên bài học**: Hình dáng cơ thể em (Chủ đề 3: Tạo dáng người động)
- **Thời lượng DH**: 2 tiết
- **Nội dung chủ đề, bài học**: Tập trung cụ thể hóa yêu cầu cần đạt thuộc nội dung Mỹ thuật tạo hình trong chương trình lớp 3: “*Tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm*”.
- **Phân bố nội dung mỗi tiết học**

Tiết	Nội dung chính
1	– Nhận biết dáng người ở tư thế tĩnh và động. – Tìm hiểu cách tạo dáng người ở tư thế tĩnh, động; vận dụng vào thực hành tạo dáng người động theo ý thích và trao đổi, chia sẻ. – Trưng bày, giới thiệu, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm (của mình, của bạn). – Tổng kết tiết học, hướng dẫn HS chuẩn bị đồ dùng, công cụ,... để học tiết 2.
2	– Nhắc lại nội dung chính của tiết 1. – Tìm hiểu cách tạo sản phẩm nhóm có các dáng người tư thế động và thực hành tạo sản phẩm theo ý thích. – Trưng bày, giới thiệu sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm và bài học. – Tổng kết bài học và hướng dẫn Hs chuẩn bị học – thực hành bài 6.

2. Phiếu đánh giá kế hoạch dạy học

TT	Nội dung	Tiêu chí cụ thể	Ý kiến của thầy/cô tham gia tập huấn
1	Mục tiêu	Xác định mục tiêu rõ ràng, trọng tâm	
		Nêu được một số biểu hiện cần đạt được ở HS về năng lực chung, năng lực đặc thù khác và bồi dưỡng phẩm chất phù hợp với nội dung tiết học/bài học.	
2	Nội dung bài học	Tập trung vào kiến thức trọng tâm (dáng tĩnh và dáng động) của tiết học/bài học.	
		Thể hiện được mục tiêu tiết học, bài học trong tiến trình DH.	

		Có tính cập nhật, liên hệ thực tế, bồi dưỡng phẩm chất ở HS.	
		HS được tạo điều kiện liên hệ những kiến thức đã biết để phát hiện kiến thức mới, rèn luyện kỹ năng, vận dụng vào thực tế.	
3	PP, hình thức tổ chức, sử dụng đồ dùng, thiết bị DH.	Lựa chọn, sử dụng các PPDH phù hợp; tổ chức hoạt động học tập linh hoạt, sáng tạo, phù hợp để đạt mục tiêu của tiết học, thống nhất với mục tiêu bài học.	
		Thể hiện lòng ghép hoạt động thảo luận/trao đổi trong thực hành.	
		Vận dụng DH tích hợp, nhiệm vụ học tập/ thực hành đa dạng, có tính phân hóa, tạo sự tương tác giữa HS với HS, HS với GV; kích thích tính tích cực, chủ động, gợi mở sáng tạo ở HS.	
		Khai thác, sử dụng thiết bị, đồ dùng DH phù hợp.	
		Phân bổ thời gian cho các hoạt động hợp lý. Đảm bảo thời gian quy định.	
4	Đánh giá trong DH	Thực hiện đánh giá thường xuyên.	
		HS có cơ hội tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.	
		Thể hiện được mục tiêu của tiết học, bảo đảm hướng đến đạt mục tiêu bài học.	

3. Kế hoạch dạy học

CHỦ ĐỀ 3: TẠO DÁNG NGƯỜI ĐỘNG **BÀI 5. Hình dáng cơ thể em (2 tiết)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mỹ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt sau:

- Nhận biết và liên hệ được hình dáng cơ thể người với một số hình cơ bản.
- Bước đầu sử dụng hình cơ bản để tạo được dáng người ở tư thế động theo ý thích.
- Trưng bày và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm dáng người động của mình, của bạn.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số năng lực chung và năng lực đặc thù khác như:

- Chủ động liên hệ và tạo dáng người theo ý thích. Sử dụng công cụ an toàn trong thực hành, sáng tạo.
- Liên hệ được các kiến thức về tỉ lệ, hình dáng, kích thước hình cơ bản để tạo sản phẩm hình dáng người động.

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như:
 – Chuẩn bị được một số vật liệu, dụng cụ để thực hành tạo sản phẩm hình dáng người động.

– Yêu quý bản thân và chăm chỉ tập thể dục nâng cao sức khỏe.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

Theo mục *Chuẩn bị* trong SGK, có thể thay đổi hoặc bổ sung để phù hợp ý tưởng DH và điều kiện thực tiễn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, SGK, vở bài tập, đồ dùng HS.

Tiết 1

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	ĐDDH
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: Khởi động tạo hứng thú cho HS, giới thiệu nội dung bài học về hình dáng cơ thể em.			
Nhận biết dáng người qua hoạt động	– GV trực tiếp biểu diễn một số động tác mô phỏng các hoạt động nhảy dây, tăng cầu/bóng, đá bóng,... cho HS quan sát và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hãy cho biết dáng thầy/cô vừa biểu diễn tương ứng với hoạt động nào? – GV mời HS trả lời và HS khác nhận xét phần trả lời của bạn. – GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động rồi chốt kiến thức và giới thiệu nội dung bài mới.	– HS chú ý quan sát. – HS nhận nhiệm vụ – HS thảo luận trả lời câu hỏi. – HS khác nhận xét. – HS chú ý lắng nghe và hiểu.	Động tác biểu diễn của GV.
2. Quan sát, nhận biết (khoảng 7 phút) Mục tiêu: – HS nêu được hình dáng tĩnh và động ở đối tượng quan sát. – HS liên hệ được dáng người với một số hình cơ bản.			
2.1. Nhận biết tư thế dáng người tĩnh và dáng người chuyển động	Tổ chức HS tìm hiểu sự khác nhau giữa dáng người tĩnh với dáng người chuyển động: – GV yêu cầu HS quan sát hình 1,2 (tr.21, SGK), trao đổi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: – Em hãy chỉ ra sự khác nhau về tư thế dáng người ở hình 1 và hình 2? – GV mời HS nhận xét, đánh giá phần trả lời của bạn. – GV chốt lại kiến thức: + <i>Dáng người ở H1: tĩnh, đứng yên.</i> + <i>Dáng người ở H2: dáng động, đang đi, đi chuyển, hoạt động.</i>	– HS quan sát (tr.21, SGK). – HS trao đổi và thảo luận. – HS trả lời câu hỏi về sự khác nhau giữa các dáng người. – HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến. – HS lắng nghe.	SGK, tranh ảnh mẫu một số dáng người tĩnh và đang hoạt động

	– GV tổ chức trò chơi: GV mời HS lên biểu diễn một vài tư thế dáng người tĩnh và một vài tư thế dáng người động để HS khắc sâu kiến thức hơn.	– HS tích cực tương tác theo hướng dẫn của GV.	
2.2. Liên hệ hình cơ bản với một số bộ phận trên cơ thể người	– Sử dụng hình 3, 4 (tr.21, SGK). – GV yêu cầu HS quan sát, thảo luận và trả lời câu hỏi: – Hãy quan sát hình 3 và chỉ ra hình cơ bản tương ứng với mỗi bộ phận trên cơ thể người ở hình 4. – GV mời HS khác nhận xét phần trả lời của bạn. – GV nhận xét trả lời của HS và chốt kiến thức: + Hình tròn màu đỏ cánh sen tương ứng với đầu. + Hình chữ nhật màu đen ứng với cổ. + Hình chữ nhật màu đỏ cam ứng với tay. + Hình chữ nhật đứng màu xanh ứng với thân. + Hình chữ nhật màu xanh lá ứng với chân. + Hình chữ nhật màu đỏ ứng với bàn chân. + Hình tròn màu tím ứng với bàn tay. – GV tổ chức trò chơi: Ghép hình tạo dáng người. + GV chuẩn bị một số hình cơ bản làm bằng giấy bìa màu và dùng nam châm dính lên bảng. + GV mời 2 HS lên bảng, HS A lên tạo dáng động và HS B sử dụng các hình cơ bản sắp xếp mô phỏng lại dáng động của em HS A. + GV mời HS ở dưới nhận xét, đánh giá sản phẩm của 2 bạn: – GV nhận xét, đánh giá sản phẩm kết quả của 2 HS và phần trả lời nhận xét của HS. – GV tổng kết trò chơi => GV tóm tắt nội dung HĐ quan sát:	– HS tiếp tục quan sát hình 3, 4 (tr.21, SGK) – Nêu cảm nhận của mình về hình cơ bản ở hình 3 tương ứng với mỗi bộ phận trên cơ thể ở hình 4. – HS khác nhận xét. -HS ghi nhớ kiến thức. – HS lên bảng tham gia trò chơi theo hướng dẫn. – HS dưới lớp nhận xét cách sắp xếp mô phỏng dáng người từ bạn mẫu.	

	Hình dáng cơ thể người có thể được thể hiện bằng các hình cơ bản.	– HS chú ý lắng nghe, hiểu và nắm chắc kiến thức về hình dáng người.	
3. Thực hành, sáng tạo (20 phút) Mục tiêu: – Biết được cách tạo hình dáng người từ các hình cơ bản. – Biết sử dụng hình cơ bản để tạo được hình dáng người ở tư thế động theo ý thích.			
3.1. Hướng dẫn tạo hình dáng người tĩnh, hình dáng người động từ các hình cơ bản			
a. Hướng dẫn tạo dáng người đứng yên từ các hình cơ bản	– Sử dụng hình 1, 2, 3 (tr.22, SGK). – GV yêu cầu HS quan sát, trao đổi và nêu các bước tạo dáng người đứng yên từ các hình cơ bản. – GV gọi HS trả lời và HS nhận xét câu trả lời của bạn. – GV chốt các bước tạo dáng người đứng yên từ các hình cơ bản – theo SGK: Có 3 bước. – GV hướng dẫn HS các bước tạo dáng người đứng yên bằng cách sử dụng giấy trắng, bút màu, bút chì vẽ thị phạm trực tiếp hình dáng người đứng yên bằng các hình cơ bản tương ứng với các bộ phận và trang trí dáng người bằng màu sáp để tạo sức hút HS quan sát: + Bước 1. Dùng bút chì vẽ các hình cơ bản tương ứng với các bộ phận. + Bước 2. Vẽ thêm một số chi tiết như tóc, mắt, mũi, miệng,... + Bước 3. Vẽ màu trang trí cho hình một số bộ phận. – GV lưu ý HS: Khi vẽ các hình cơ bản tạo dáng người nên để khoảng cách giữa các hình để dễ khi chia tách các hình.	– HS quan sát hình 1, 2, 3 (tr.22, SGK) – Nêu hiểu biết về các bước tạo dáng người đứng yên từ các hình cơ bản. – HS khác nhận xét phần trả lời của bạn. – HS lắng nghe, ghi nhớ các bước. – HS quan sát GV thị vẽ phạm các bước, hiểu và ghi nhớ.	SGK, hình ảnh các bước tạo dáng (phóng to). Giấy, bút chì, bút màu, hồ dán,...
b. Hướng dẫn tạo dáng người ở tư thế động	– Sử dụng hình minh họa các bước tạo dáng người ở tư thế động (tr.22, SGK): – GV yêu cầu HS quan sát hình minh họa, trao đổi, trả lời câu hỏi: + Từ hình dáng người đứng yên, em có thể tạo được những dáng người ở tư thế nào?	– HS quan sát hình minh họa. – HS trả lời câu hỏi – HS khác nhận xét phần trả lời của bạn.	SGK Kéo, hồ dán, bút màu hoặc một số vật liệu khác.

	+ Làm cách nào để tạo được dáng người động đó? – GV yêu cầu HS tập trung quan sát GV hướng dẫn các bước tạo dáng người ở tư thế động. GV thị phạm: + Bước 1: Sử dụng sản phẩm hình dáng người đứng yên đã tạo được ở hoạt động trước. + Bước 2: Sử dụng kéo cắt rời các hình cơ bản tương ứng với hình các bộ phận. Lưu ý: Khi cắt để lại nét viền đậm bao quanh mỗi hình cơ bản. + Bước 3: Sắp xếp lại các hình cơ bản tương ứng với hình các bộ phận để tạo thành dáng người ở tư thế động theo ý thích. Vẽ hoặc cắt dán thêm một số chi tiết phù hợp với dáng người nhảy dây hoặc múa quạt, đá bóng, hát,... Lưu ý: GV có thể vừa thị phạm kết hợp dùng lời gợi ý HS hỗ trợ, chỉ giúp GV thao tác các bước nhằm phát huy sự chủ động của HS đồng thời giúp HS khắc sâu kiến thức. – GV mời HS nhắc lại các bước thực hiện và mời HS khác nhận xét câu trả lời của bạn. GV nhận xét đánh giá câu trả lời và phần nhận xét của HS. – GV mở rộng: Có thể giới thiệu thêm một số sản phẩm khác về hình dáng người ở tư thế động hoặc nhắc HS tham khảo một số sản phẩm ở phần tham khảo (tr.23, SGK)	– HS quan sát GV thị phạm và ghi nhớ kiến thức, các thao tác,... – HS trả lời. – HS khác nhận xét. – HS lắng nghe GV nhắc lại các bước. – HS quan sát hình minh họa sản phẩm. (trang 23, SGK) và hình thành ý tưởng của mình.	
3.2. HS thực hành tạo sản phẩm hình dáng người động theo ý thích			
	– GV tổ chức HS ngồi theo nhóm, tạo sản phẩm nhóm. – GV giao nhiệm vụ: Vẽ tạo hình dáng người ở tư thế động theo ý thích. – GV gợi mở HS một số dáng người hoạt động. – Lưu ý HS: + Tạo dáng người tĩnh trước. + Không vẽ hình quá to hoặc quá nhỏ. + Vẽ thêm một số hình chi tiết để làm rõ hơn dáng đang hoạt động gì.	– HS ngồi theo nhóm. – Chú ý lắng nghe GV gợi ý thực hành. – HS quan sát, trao đổi, thảo luận tìm ý tưởng và cách vẽ tạo hình dáng người hoạt động. – HS thực hành, trao đổi thảo luận.	

	+ Vẽ hình bằng nét chì trước, tô nét đậm bao hình và vẽ màu sau. + Tô mà các hình không nên chọn nhiều màu để gây rối mắt. Có thể trang trí thêm cho hình dáng thêm sinh động. – Nhắc HS có thể tham khảo một số sản phẩm ở phần tham khảo (tr.23, SGK) để vẽ hình dáng người. – Nhắc HS nhiệm vụ chính của tiết học – Quan sát HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ để giải thích, hỗ trợ kịp thời. - Qua đó có căn cứ để đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ.		
3.3. Tổ chức HS trưng bày, chia sẻ cảm nhận. (khoảng 5 phút) Mục tiêu: Trưng bày và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm dáng người tĩnh của nhóm mình/nhóm bạn.			
Trưng bày, giới thiệu, và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm	– GV giao nhiệm vụ HS: + Trưng bày sản phẩm nhóm lên bảng. + Yêu cầu nhóm cử đại diện lên chia sẻ về sản phẩm của nhóm. – GV gợi ý HS nội dung chia sẻ: + Hình dáng người được tạo bởi những hình cơ bản nào? + Cách vẽ tạo hình dáng người? + Cách vẽ trang trí trên hình dáng người? – GV nhận xét, đánh giá, lưu ý rút kinh nghiệm HS về sản phẩm, cách tạo sản phẩm và phần chia sẻ của mỗi nhóm.	– HS trưng bày sản phẩm lên bảng – Cử đại diện lên chia sẻ về sản phẩm của nhóm. – Chia sẻ về sản phẩm theo gợi ý của GV. – HS khác quan sát sản phẩm, theo dõi, lắng nghe bạn chia sẻ. – HS nhận xét, đánh giá, bổ sung ý kiến về phần chia sẻ của nhóm mình, nhóm bạn. – HS lắng nghe, hiểu, khắc sâu kiến thức, kỹ năng thực hành.	Sản phẩm hình dáng người của HS.
4. Vận dụng (khoảng 4 phút) Mục tiêu: HS chia sẻ được ý tưởng ban đầu về cách vận dụng hình dáng người tĩnh tạo hình dáng người động.			
	– GV yêu cầu HS chia sẻ ý tưởng vận dụng sản ở tiết 1 để tạo sản phẩm ở tiết 2. – GV đặt câu hỏi gợi mở:	– Nhóm cử đại diện chia sẻ ý tưởng của nhóm.	Một số hình sản phẩm dáng

	+ Từ hình dáng người đã tạo được, nhóm em sẽ tạo hình dáng người đang tham gia hoạt động nào? + Tại sao lại chọn dáng người hoạt động đó? + Cách tạo hình dáng người hoạt động? – GV nhận xét, đánh giá, gợi ý bổ sung phần chia sẻ ý tưởng vận dụng của HS. – GV có thể sử dụng hình sản phẩm minh họa các dáng người đang hoạt động để thu hút HS quan sát và hình thành ý tưởng. – GV chốt hoạt động: + Từ hình dáng người tĩnh mà các em tạo được ở tiết 1, có thể tạo được rất nhiều hình dáng người đang tham gia hoạt động khác nhau như: Đá bóng, nhảy dây, ca hát, múa, thể dục,... + Có thể vẽ hoặc sử dụng kết hợp thêm một số vật liệu khác để tạo hình dáng người hoạt động thêm sinh động.	– HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung phần chia sẻ của bạn/nhóm bạn. – HS quan sát, theo dõi và suy nghĩ hình thành ý tưởng. – HS lắng nghe, ghi nhớ.	người đang hoạt động.
Tổng kết tiết học (khoảng 1 phút)			
	Nhiệm vụ của GV: – Nhắc lại nội dung chính của tiết học. – Nhận xét, đánh giá tiết học. – Nhắc HS bảo quản sản phẩm ở tiết 1 để tiết 2 sẽ sử dụng để tạo sản phẩm Hình dáng người động. – Dặn dò HS chuẩn bị thêm một số đồ dùng, vật liệu cho tiết 2 – Nhắc HS dọn đồ dùng học tập và vệ sinh sạch sẽ lớp học.	– HS lắng nghe, ghi nhớ – HS dọn đồ dùng và vệ sinh lớp học.	